



CÔNG TY CỔ PHẦN BIA SÀI GÒN - HÀ NỘI
Địa chỉ: A2- CN8 Cụm CN Từ Liêm - P. Phương Canh - Q. Nam Từ Liêm. TP Hà Nội
Tel: (+84)24.3765 3338. Fax: (+84)24.3 765 3336.
Mã số thuế: 0102314051
Email: info@sabecohanoi.com.vn. Website: www.sabecohanoi.com.vn.

Số: 128/BSGHN

Hà Nội, ngày 19 tháng 10 năm 2021

**CÔNG BỐ THÔNG TIN
TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ
NƯỚC/ SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI**

Kính gửi :

- Ủy ban chứng khoán Nhà Nước
- Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội

- Tên tổ chức: **CÔNG TY CỔ PHẦN BIA SÀI GÒN - HÀ NỘI**
 - Mã chứng khoán: BSH
 - Địa chỉ trụ sở chính: A2- CN8, Cụm công nghiệp Từ Liêm, Phường Phương Canh, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội.
 - Điện thoại: 024.37653338 Fax: 024.37653336
 - Người thực hiện công bố thông tin: Ông Vương Thừa Đại
 - Chức vụ: Thư ký Công ty.
 - Loại thông tin công bố: định kỳ bất thường 24h theo yêu cầu
- Nội dung công bố thông tin: Giải trình lợi nhuận BCTC quý 3 chênh lệch 10% so với cùng kỳ năm trước.

Tôi cam kết thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VP.

**ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC
NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN
CÔNG BỐ THÔNG TIN**



Vương Thừa Đại

**CÔNG TY CỔ PHẦN
BIA SÀI GÒN - HÀ NỘI**

Số: 127./CV -BSGHN

(V/v: Giải trình lợi nhuận BCTC quý 3 chênh lệch
10% so với cùng kỳ năm trước)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

TP. Hà Nội, ngày 10 tháng 10 năm 2021

**Kính gửi: ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC
SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI**

Tên công ty: CÔNG TY CỔ PHẦN BIA SÀI GÒN - HÀ NỘI

Địa chỉ: A2 CN8 cụm công nghiệp Từ Liêm, Phường Phương Canh, Quận Nam Từ Liêm, TP Hà Nội

Mã số thuế: 0102314051

Người đại diện: Lê Viết Quý

Chức vụ: Giám đốc

Căn cứ thông tư 155/2015/TT-BTC của Bộ tài chính về việc công bố thông tin định kì của tổ chức quy định giải trình cụ thể đối với trường hợp lợi nhuận sau thuế chênh lệch 10% so với cùng kỳ năm trước.

Công ty cổ phần bia Sài Gòn - Hà Nội giải trình Báo cáo tài chính riêng quý 3 năm 2021 cụ thể:

(Đơn vị tính: VNĐ)

Chỉ tiêu	Mã số	Quý 3		Tăng (+)/Giảm (-)	Tỷ lệ (%)
		2021	2020		
A	B	1	2	3=(1-2)	4=(3/2)
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	132,193,432,539	189,901,637,202	(57,708,204,663)	-30%
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02				
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	132,193,432,539	189,901,637,202	-57,708,204,663	-30%
4. Giá vốn hàng bán	11	109,636,531,742	166,329,835,702	(56,693,303,960)	-34%
5. Lợi nhuận gộp bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20	22,556,900,797	23,571,801,500	-1,014,900,703	-4%
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	1,459,785,617	1,949,989,248	(490,203,631)	-25%
7. Chi phí tài chính	22	136,977,104	204,370,109	(67,393,005)	-33%
8. Chi phí bán hàng	25	722,570,838	1,690,686,719	(968,115,881)	-57%
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	3,608,195,429	4,833,634,649	(1,225,439,220)	-25%
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30	19,548,943,043	18,793,099,271	755,843,772	4%
11. Thu nhập khác	31	1,045,084,792	133,867,812	911,216,980	681%
12. Chi phí khác	32		88,647,093	(88,647,093)	-100%
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40	1,045,084,792	45,220,719	999,864,073	2211%
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50	20,594,027,835	18,838,319,990	1,755,707,845	9%
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	4,148,995,074	4,517,950,671	(368,955,597)	-8%
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	7,410,491	-723,621,061	731,031,552	-101%
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60	16,437,622,270	15,043,990,380	1,393,631,890	9%



Báo cáo kết quả kinh doanh 9 tháng 2021:

Chỉ tiêu	Mã số	9 tháng		Tăng (+)/Giảm (-)	Tỷ lệ (%)
		2021	2020		
A	B	1	2	3=(1-2)	4=(3/2)
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	405,199,223,648	396,847,195,828	8,352,027,820	2%
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02				
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	405,199,223,648	396,847,195,828	8,352,027,820	2%
4. Giá vốn hàng bán	11	351,685,555,239	365,819,666,052	(14,134,110,813)	-4%
5. Lợi nhuận gộp bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20	53,513,668,409	31,027,529,776	22,486,138,633	72%
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	3,799,853,378	3,882,361,094	(82,507,716)	-2%
7. Chi phí tài chính	22	817,681,775	465,007,190	352,674,585	76%
8. Chi phí bán hàng	25	2,462,229,426	4,211,739,733	(1,749,510,307)	-42%
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	12,143,132,223	12,385,566,532	(242,434,309)	+2%
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30	41,890,478,363	17,847,577,415	24,042,900,948	135%
11. Thu nhập khác	31	3,437,433,005	694,311,621	2,743,121,384	395%
12. Chi phí khác	32	1,593,451,474	93,764,820	1,499,686,654	1599%
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40	1,843,981,531	600,546,801	1,243,434,730	207%
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50	43,734,459,894	18,448,124,216	25,286,335,678	137%
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	8,831,220,024	4,913,771,415	3,917,448,609	80%
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	146,202,342	-673,974,466	820,176,808	-122%
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60	34,757,037,528	14,208,327,267	20,548,710,261	145%

Giải trình:

Thay đổi cơ cấu sản phẩm tiêu thụ nên doanh thu tăng nên lợi nhuận tăng

Trong 9 tháng công ty đã thực hiện nhiều biện pháp tối ưu việc quản lý các chi phí trong sản xuất và ngoài sản xuất nên tăng hiệu quả kinh doanh

Trên đây là giải trình của Công ty cổ phần bia Sài Gòn - Hà Nội báo cáo Ủy ban chứng khoán Nhà Nước và sở giao dịch chứng khoán thành phố Hà Nội về việc thay đổi các chỉ tiêu trên báo cáo tài chính riêng quý 3 năm 2021.

Trân trọng ./.

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu văn thư

